

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SON HÀ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/2019/SHE

V/v: Công bố báo cáo thường niên năm
2018

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Sở GDCK Hà Nội)

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

Mã chứng khoán: SHE

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, P. Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.6265.6566

Fax: 024.6265.6566

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Bá Thị Hợp

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của công bố thông tin: Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2018.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trên vào ngày 30 tháng 03 năm 2019 tại đường dẫn <http://www.thaiduongnang.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



HOÀNG MẠNH TÂN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN

PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

NĂM BÁO CÁO 2018

(Từ 1/1/2018 đến 31/12/2018)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- CÔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ
- **Tên Tiếng Anh:** SON HA DEVELOPMENT OF RENEWABLE ENERGY JOINT STOCK COMPANY
- **Logo:**



- **Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VND
- **Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018:** 66.433.589.414 VND
- **Trụ sở chính:** Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, P. Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- **Điện thoại:** 024.6265.6566 Fax: 024.6265.6566
- **Website:** <http://www.thaiduongnang.com.vn>
- **Mã số thuế:** 0101809894
- **Mã cổ phiếu:** SHE

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (Công ty) có trụ sở chính đặt tại Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, P. Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội và hoạt động từ ngày 27 tháng 10 năm 2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101809894 do Phòng ĐKKD - Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp với vốn góp ban đầu là 4.000.000.000 đồng do 3 cổ đông góp vốn là Công ty TNHH Cơ kim khí Sơn Hà và 2 cá nhân là ông Lê Vĩnh Sơn và ông Lê Hoàng Hà.
- Tháng 12/2010, Công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 4.000.000.000 đồng lên 20.000.000.000 đồng, thông qua đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.
- Trải qua quá trình phát triển không ngừng từ một xưởng sản xuất nhỏ nay đã trở thành một Nhà máy chuyên sản xuất các sản phẩm máy nước nóng năng lượng mặt trời – Thái Dương Năng, với nhiều loại sản phẩm đa dạng Thái Dương Năng chịu áp lực, Hệ thống Thái Dương Năng Công nghiệp, Heatpump... đã khẳng định được chỗ đứng vững chắc trên thị trường tạo niềm tin với người tiêu dùng Việt Nam.
- Với sự kiên định phát triển ngành năng lượng sạch tại Việt Nam, các sản phẩm máy nước nóng năng lượng mặt trời của SHE đang được người tiêu dùng bình chọn là sản phẩm hàng đầu Việt Nam. Sản phẩm cũng được ghi nhận là sản phẩm mang thương hiệu quốc gia. Tính đến năm 2017, phân phối trên 16.000 điểm bán với nhiều chi nhánh, đại lý tại Việt Nam.
- Ngày 18/05/2018, Công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2018, phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng.
- Ngày 05/06/2018, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8, với số vốn điều lệ thay đổi là 50.000.000.000 đồng.
- Ngày 12/10/2018, Công ty nhận được công văn số 6956/UBCK-GSĐCPH ngày 12/10/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc hoàn tất quá trình đăng ký công ty đại chúng.
- Ngày 20/12/2018, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 114/2018/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là: 5.000.000 cổ phiếu.
- Ngày 07/01/2019, Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) Quyết Định chấp thuận niêm yết cổ phiếu CTCP Phát triển Năng lượng Sơn Hà số 21/QĐ –SGDHN.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy CNĐKKD số 0101809894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 05 tháng 06 năm 2018, ngành nghề đăng ký kinh doanh hiện tại của Công ty bao gồm:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển</p> <p>Chi tiết: Sản xuất các thiết bị năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch</p>	2651 (Chính)
2	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh, khai thác các thiết bị năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch</p>	4659
3	<p>Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, máy móc phụ vụ ngành năng lượng mới, điện, thông tin liên lạc, viễn thông và các ngành công nghiệp khác</p>	4652
4	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Khảo sát các công trình năng lượng sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các hệ thống viễn thông, thông tin liên lạc, các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường</p> <p>Tư vấn khảo sát thiết kế các công trình tiết kiệm năng lượng, hiệu quả năng lượng, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và các công trình bảo vệ môi trường</p>	7110
5	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Lắp đặt, xây dựng các công trình năng lượng sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các hệ thống viễn thông, thông tin liên lạc và các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường</p> <p>Đầu tư các công trình tiết kiệm năng lượng, hiệu quả năng lượng, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và các công trình bảo vệ môi trường</p>	4290
6	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống kinh tế Việt Nam

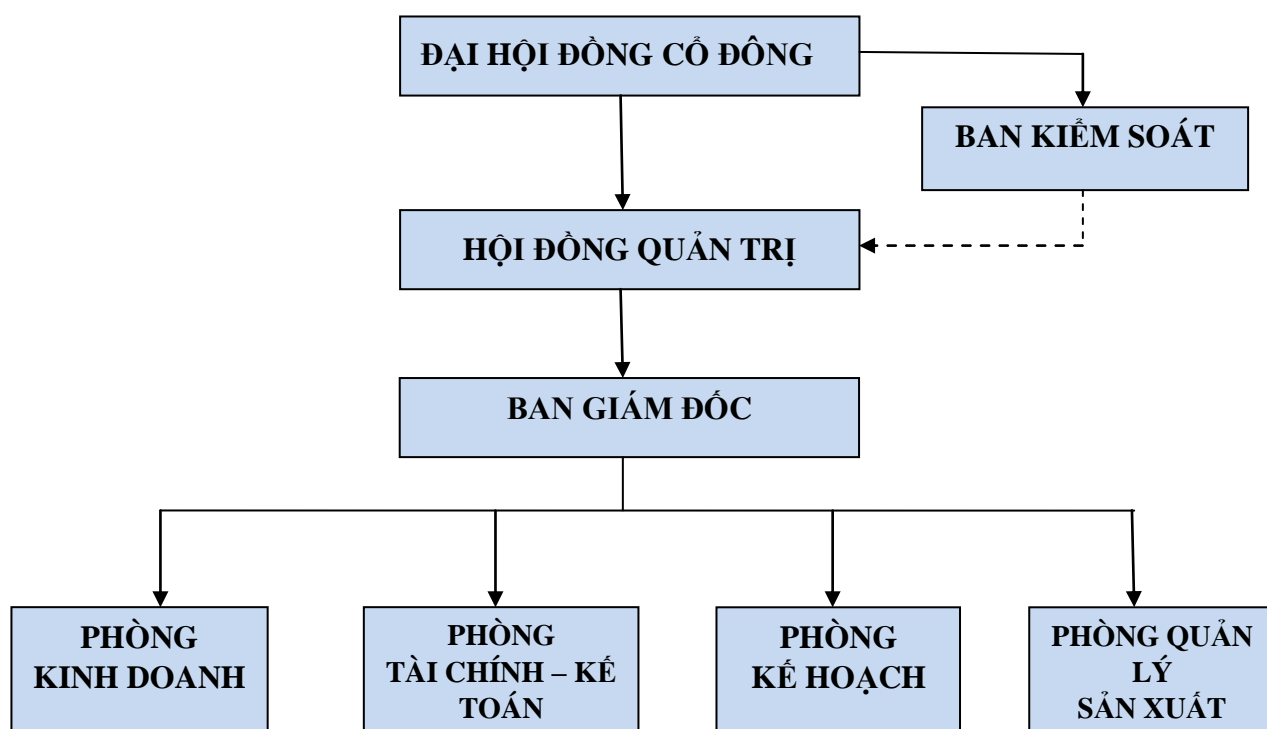
3.1. Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty trải khắp cả nước, tập chung nhiều hơn ở Miền Bắc.

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan; cơ cấu tổ chức Công ty hiện tại bao gồm:
- Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan trực thuộc: ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS Công ty;
- Khối Cơ quan Công ty gồm các phòng, ban chức năng: Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kinh doanh, Phòng Kế hoạch, Nhà máy Sản xuất.

3.2. Sơ đồ tổ chức mô hình quản trị, bộ máy quản lý công ty



- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch HĐQT
2	Hoàng Mạnh Tân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
3	Đàm Quang Hùng	Thành viên HĐQT
4	Bùi Minh Trang	Thành viên HĐQT
5	Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT

- Danh sách Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Khánh Linh	Trưởng BKS
2	Lê Thị Thắm	Thành viên BKS
3	Đào Thị Thảo	Thành viên BKS

- Danh sách Ban giám đốc của Công ty:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Mạnh Tân	Giám đốc
2	Trần Anh Tuấn	Phó Giám đốc

- Các phòng, ban chức năng
- + Phòng Tài chính – Kế toán
- + Phòng Kế hoạch
- + Phòng Hành chính – Nhân sự
- + Phòng Quản lý sản xuất

3.3. Công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

Công nghệ năng lượng mặt trời nói riêng và công nghệ năng lượng sạch nói chung là ngành đầu tư lớn, có hiệu quả kinh tế cao, nhất là khi tăng trưởng kinh tế đòi hỏi nhiều sản phẩm sử dụng nguồn năng lượng sạch. Nhờ đó các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này sẽ thu được lợi nhuận lớn. Do vậy Công ty cũng đã có những kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới như:

- Lập quy hoạch phát triển bền vững các sản phẩm Thái Dương Năng truyền thống, tiến hành đa dạng hóa các sản phẩm TDN tấm phẳng, TDN chịu áp, các sản phẩm TDN công nghiệp kích thước lớn – dùng solar kết hợp heatpump cho hệ thống nước nóng trung tâm.
- Tiến hành đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để tận thu nguồn tài nguyên, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Nghiên cứu áp dụng công nghệ sản xuất ra các sản phẩm thân thiện bảo vệ môi trường.
- Mở rộng thị phần mới, tăng cường quan hệ và chăm khách hàng truyền thống của Công ty. Tiếp tục làm tốt công tác thị trường, duy trì thường xuyên mỗi thông tin quan hệ để làm tốt công tác khách hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
- Định vị Công ty tiên phong trong việc phát triển năng lượng sạch với slogan “ Năng lượng sạch cho cuộc sống xanh”

- Dự án: thực hiện liên doanh liên kết phát triển tấm pin năng lượng mặt trời, đèn LED tiết kiệm điện...

5. Các loại rủi ro

- ✓ Rủi ro về kinh tế
- ✓ Lạm phát
- ✓ Rủi ro lãi suất
- ✓ Rủi về pháp luật
- ✓ Rủi ro về đặc thù ngành
- ✓ Rủi ro về biến động giá
- ✓ Rủi ro khác

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm 2018

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	221.644.078.616
Các khoản giảm trừ doanh thu	981.662.955
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	220.662.415.661
Giá vốn hàng bán	193.676.905.103
Lợi nhuận gộp	26.985.510.558
Doanh thu hoạt động tài chính	788.972.115
Chi phí tài chính	457.794.706
Trong đó: Chi phí lãi vay	366.822.749
Chi phí bán hàng	5.330.096.076
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.716.325.844
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.270.266.047
Thu nhập khác	2.919.045.601
Chi phí khác	961.859
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.188.349.789
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.077.500.101
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.110.849.688

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.576
---------------------------------	-------

- Trong năm 2017, CTCP Phát triển Năng lượng Sơn Hà đã hoàn thành xuất sắc kết quả kinh doanh mà Đại hội thường niên năm 2018 đã đề ra;
- Hội đồng quản trị; Giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt vai trò, trách nhiệm và đóng góp của mình vào thành công trên;
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 là tiền đề, động lực để Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc để tiếp tục định hướng những thành công vào các kế hoạch kinh doanh khẩn tới, các chính sách mới trong năm 2019 để đạt kết quả kinh doanh tốt hơn nữa mang lại sự phát triển, tăng trưởng bền vững cho Công ty.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2018	Tỷ lệ thực hiện 2018	
	2017	2018		So với Kế hoạch	So với 2017
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	181.544.194.113	220.662.415.661	255.000.000.000	(13%)	22%
Lợi nhuận sau thuế	9.277.908.178	16.110849.688	15.000.000.000	7%	74%
Cổ tức (%)	50%	20%	20%		

Hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực so với năm 2017 cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu của Công ty năm 2018 đạt 220,6 tỷ đồng tăng 22% so với năm 2017 và giảm 13% so với kế hoạch đề ra (theo kế hoạch tổng doanh thu của Công ty đạt 255 tỷ đồng). Trong đó trước những diễn biến thuận lợi của nền kinh tế vĩ mô và thị trường trong nước, Ban lãnh đạo Công ty đã có những quyết định đầu tư đúng đắn, nhờ đó doanh thu từ lãi các khoản tài chính của Công ty tăng. Trong năm Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh và cạnh tranh với những Công ty sản xuất có thị phần Thái dương năng lớn là nguyên nhân dẫn tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa đạt kỳ vọng và kế hoạch đề ra.
- Doanh thu tăng so với năm 2017 cùng với đó Ban lãnh đạo đã có những sự chỉ đạo kiểm soát tình hình chi phí của Công ty khiến lợi nhuận của Công ty tăng mạnh so với năm 2017. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 16,1 tỷ đồng tăng 74% so với 2017 và vượt 7% so với kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành

Ban Giám đốc gồm Giám đốc và Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các

quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Giám đốc theo các lĩnh vực do Giám đốc phân công.

Thông tin sơ lược về Ban Giám đốc Công ty:

2.1.1 Giám đốc

Họ và tên	: HOÀNG MẠNH TÂN
Ngày sinh	: 22/08/1970
Giới tính	: Nam
Nơi sinh	: Hưng Hà – Thái Bình
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMTND	: 001070012083 do cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 09/05/2017
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: Số 2 Cục Vận Tải Ô tô, Tổ 26 Láng Hạ, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: Số 2 Cục Vận Tải Ô tô, Tổ 26 Láng Hạ, Hà Nội
Điện thoại cơ quan	: 024.62656566
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư máy tàu thủy/ Cử nhân kinh tế ngoại thương
Quá trình công tác:	
+ 2007 đến nay	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Minh Tân
+ 03/2016 đến nay	Giám đốc – Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà
+ 11/2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Quốc tế Sơn Hà
+ 2017 đến nay	Phó Chủ Tịch – Nhóm công tác Năng lượng sạch và tiết kiệm năng lượng
Chức vụ hiện nay	: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	: + Phó Chủ tịch nhóm công tác Năng lượng sạch và tiết kiệm năng lượng + Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Quốc tế Sơn Hà + Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Tân
Số cổ phần nắm giữ	: 450.000 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Cổ phần phổ thông	: 450.000 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết	: 0 cổ phần
Số cổ phần của những người có liên quan	: 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Lợi ích liên quan đến công ty	: Không

2.1.2 Phó Giám đốc

Họ và tên	: TRẦN ANH TUẤN
Ngày sinh	: 18/08/1981
Giới tính	: Nam
Nơi sinh	: Thành phố Hà Tĩnh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMTND	: 042081000089 do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về DC, cấp ngày 02/11/2015
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: Nhà 509B, Nhà G4, Thành Công, Ba Đình, TP Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: Nhà 509B, Nhà G4, Thành Công, Ba Đình, TP Hà Nội
Điện thoại cơ quan	:
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Tiến Sĩ Công nghệ Vật liệu – trường Art et Metier Paris
Quá trình công tác	
+ Từ 2012 – 05/2016	Giám đốc TT nghiên cứu - Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel
+ 06/2016 đến nay	Phó Giám Đốc - Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Chức vụ hiện nay	: Phó Giám đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 50.000 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Cổ phần phổ thông	: 50.000 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết	: 0 cổ phần
Số cổ phần của những người có liên quan	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Lợi ích liên quan đến công ty	: Không

2.2. Cơ cấu và chính sách lao động của Công ty

Cơ cấu lao động của Công ty năm 2018

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động	78	100%
Đại học và trên đại học	23	29,48%
Cao đẳng	3	3,85%
Trung cấp	3	3,85%
Công nhân kỹ thuật	3	3,85%
Lao động phổ thông	46	58,97%
Phân loại theo giới tính	78	100%
Nam	43	55,13%
Nữ	35	44,87%

Sang năm 2018, Công ty có kế hoạch duy trì quy mô và cơ cấu nhân sự như hiện nay, trong trường hợp cần thiết, có thể chỉ bổ sung số lượng không lớn.

Chính sách lao động của Công ty:

Thời gian làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày, 5 ngày mỗi tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án hoặc các công việc đột xuất cần giải quyết gấp thì Công ty bố trí làm thêm giờ. Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng nhằm ghi nhận đóng góp của các nhân viên trong Công ty.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty được nghỉ lễ, tết theo đúng Quy định của Luật Lao động, CBCNV có thâm niên công tác từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

Điều kiện làm việc

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho nhân viên. Tạo điều kiện tốt nhất phục vụ cho công việc của từng bộ phận trong Công ty. Luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu chính đáng của tất cả cán bộ công nhân viên trong thời gian sớm nhất.

Chính sách thu hút nhân tài

SHE dành chính sách lương, thưởng và nhiều chế độ đãi ngộ cho các cán bộ, chuyên viên giỏi, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của nhằm tạo sự khuyến khích tinh thần làm việc,

nâng cao chất lượng công việc. Mặt khác, đây cũng là cách thu hút nhân lực chất lượng cao làm việc tại Công ty.

Đào tạo nâng cao trình độ

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ tổ chức trong và ngoài nước.

Chính sách thưởng

Quy định khen thưởng áp dụng đối với toàn thể nhân viên có thành tích trong lao động và nghiêm chỉnh thực hiện Quy định làm việc này. Cụ thể như sau:

- Được tuyên dương trước toàn Công ty;
- Được cân nhắc áp dụng các chế độ khen thưởng như: thưởng đột xuất, thưởng tháng, thưởng quý, thưởng năm bằng tiền mặt hoặc cổ phần của Công ty và áp dụng chế độ nâng lương (theo Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty);
- Được tham gia các khoá đào tạo chuyên môn miễn phí theo yêu cầu của công việc;
- Được hưởng chế độ đãi ngộ khác như: đi tham quan nghỉ mát (trong nước và nước ngoài) căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty v.v...

Chính sách lương

Chính sách lương của SHE đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực, trình độ của từng người. Ngoài lương cơ bản, nhân viên còn được hưởng lương, thưởng công việc theo năng suất và hiệu quả công việc.

Bảo hiểm và phúc lợi

SHE thực hiện việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo đúng Quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty đã ký hợp đồng với nhiều phòng khám đa khoa tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra sức khỏe hàng năm cho toàn bộ CBCNV. Cũng từ nguồn kinh phí của Quỹ phúc lợi, hàng năm công ty tổ chức cho toàn bộ nhân viên đi nghỉ mát tại một số khu du lịch cao cấp trong nước. Chính các hoạt động này đã góp phần gắn kết và tăng cường tính tập thể và xây dựng nên một tập thể nhân viên vững mạnh.

Tuân thủ nội quy và quy chế làm việc

Tất cả các cá nhân trong Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ mọi Quy chế tổ chức hoạt động của Công ty, của pháp luật về lao động được Bộ Luật Lao động qui định như: ký hợp đồng lao động trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi qui định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1. Đầu tư và dự án

Các khoản đầu tư dài hạn của SHE trong năm 2018 cơ bản vẫn được duy trì. Các khoản đầu tư

lâu dài đảm bảo tuân thủ chặt chẽ yêu cầu: an toàn, hiệu quả.

Dự án Sản xuất, lắp đặt (thầu thi công) Hệ thống nước nóng trung tâm

- Tên dự án: Sản xuất, lắp đặt (thầu thi công) Hệ thống nước nóng trung tâm
- Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
- Địa điểm xây dựng: Nhà máy Phùng – Khu công nghiệp Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
- Tổng diện tích đầu tư mở rộng : 1000 m²
- Thời gian triển khai từ tháng 01/2019.
- Mục đích của dự án: quy hoạch nhà máy và văn phòng điều hành; Phương án sử dụng vốn đầu tư của dự án
- Tổng mức vốn dự kiến đầu tư vào dự án: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), trong đó:
 - + Vốn đầu tư cho tài sản cố định: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)
 - + Vốn đi vay: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).

Trong giai đoạn đầu năm 2019 đến hết năm 2019 Công ty sẽ tiến hành xây dựng nhà xưởng mở rộng và đầu tư dây chuyền kỹ thuật, xây dựng kho chứa thành phẩm, văn phòng làm việc.

Dự án Sản xuất Tấm pin năng lượng mặt trời

- Tên dự án: Sản xuất Tấm pin năng lượng mặt trời;
- Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
- Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp công nghệ cao Hòa Lạc – Huyện Hoài Đức. Thành phố Hà Nội
- Tổng diện tích đầu tư mở rộng : 1000 m²
- Thời gian triển khai từ tháng 06/2020 (*Tháng 6 năm 2020 sẽ tiến hành xây dựng nhà xưởng*)
- Mục đích của dự án: quy hoạch nhà máy và văn phòng điều hành;
- Phương án vốn đầu tư của dự án
- Tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu vào dự án: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)
 - + Vốn đầu tư cho tăng tài sản cố định : 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng)
 - + Vốn đi vay: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng) ; Thời gian vay: 05 năm; Lãi suất 10%/năm.

3.2. Công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	82.746.838.540	90.525.894.911	9%
Doanh thu thuần	181.544.194.113	220.662.415.661	22%
Lợi nhuận từ hoạt HĐKD	14.028.763.986	17.270.266.047	23%

Lợi nhuận khác	(2.146.841.988)	2.918.083.742	(236%)
Lợi nhuận trước thuế	11.881.921.998	20.188.349.789	70%
Lợi nhuận sau thuế	9.277.908.178	16.110.849.688	74%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	50%	20%	-

4.2. Các chỉ tiêu về tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	1.53	3.53
+ Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]		1.16	2.48
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	63	27
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	173	36
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho BQ)	lần	8.56	8.63
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	2.95	2.55
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,11	7
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	33,40	33,30
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	15,08	18,60
+ Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	7,73	7,83
+ Lãi cơ bản trên cổ phần	VNĐ/cp	3.031	3.570

5. Cơ cấu cổ đông

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.000.000 cổ phần (năm triệu cổ)

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.000.000 cổ phần (năm triệu cổ)

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: không có

5.2. Cơ cấu cổ đông

5.2.1 Cơ cấu vốn của Công ty tính đến ngày 31/12/2018

STT	Cổ đông	Số cổ phần	VDL hiện tại (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông phổ Thông	5.000.000	50.000.000.000	100,00%
2	Cổ đông trong nước và nước ngoài	5.000.000	50.000.000.000	100,00%
2.1	Cổ đông trong nước	5.000.000	50.000.000.000	100,00%
2.2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
3	Cổ đông là tổ chức và cá nhân	5.000.000	50.000.000.000	100,00%
3.1	Cổ đông là tổ chức	3.079.500	30.795.000.000	61,59%

3.2	Cổ đông cá nhân	1.920.500	19.205.000.000	38,41%
4	Cơ cấu vốn	50.00.000	50.000.000.000	100,00%
4.1	Cổ đông lớn (trên 5%)	3.529.500	35.295.000	70,59%
4.2	Cổ đông nắm giữ từ 1% -5%	825.500	8.255.000	16,51%
4.3	Cổ đông nắm giữ dưới 1%	645.000	6.450.000	12,90%

5.2.2. Thông tin về cổ đông tổ chức tính đến 31/12/2018

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Lô CN1, cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà	2.579.500	25.795.000.000	51,59%
2	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tầng 6, TTTM Cửa Nam, Số 34 Cửa Nam, P Cửa Nam, Q Hoàn Kiếm, TP Hà nội	500.000	5.000.000.000	10,00%
Tổng cộng			3.079.500	30.795.000.000	61,59%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tăng vốn – Tháng 6/2018: Tăng từ 20 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng

Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:

- +) Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 01/2018/SHE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/04/2018
- +) Nghị quyết HĐQT số 03/2018/SHE/NQ-HĐQT ngày 04/04/2018;
- +) Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101809894 do Sở KH & ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2005; thay đổi lần thứ 8 ngày 05 tháng 6 năm 2018;
- +) Công văn số 379/CCTT – ĐKKD do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/07/2018, trả lời về vấn đề hợp lệ quá trình tăng vốn của Công ty
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)
 - Vốn điều lệ dự kiến phát hành: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng) tương ứng 3.000.000 cổ phiếu
 - Vốn điều lệ sau khi phát hành: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
 - Số lượng cổ đông trước khi phát hành : 03 cổ đông
 - Số lượng cổ đông sau khi phát hành : 04 cổ đông.
 - Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội

- Hình thức phát hành:

+) Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2017 từ nguồn lợi nhuận để lại chưa phân phối với tỷ lệ 100:46, theo BCTC kiểm toán năm 2017: 920.000 cổ phiếu, tương đương 9.200.000.000 đồng;

+) Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 25:1, theo BCTC kiểm toán năm 2017: 80.000 cổ phiếu, tương đương 800.000.000 đồng;

+) Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1; giá phát hành: 10.000 đồng/CP : 2.000.000 cổ phiếu, tương đương 20.000.000.000 đồng;

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu tại thời điểm chốt danh sách;

- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền.

- Mục đích phát hành : Bổ sung nguồn vốn lưu động

- Thời gian hoàn thành đợt phát hành: 18/05/2018

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 134 tỷ đồng
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức: 0

6.2. Tiêu thụ năng lượng

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty luôn phát huy những đóng góp về sáng kiến tiêu t hụ năng lượng hiệu quả, nhằm tiết kiệm nguồn tài nguyên quý giá và góp phần giảm thiểu những tác động có hại tới môi trường. Những sáng kiến này được áp dụng triệt để cho Công ty, từ nhà máy cho tới văn phòng.
- Quy định rõ các yêu cầu đèn chiếu sáng trong làm việc, quy định nhiệt độ đặt của điều hòa, quy định tắt màn hình máy tính khi không ngồi trên máy giúp giảm thiểu lãng phí điện năng.

6.3. Tiêu thụ nước (mức nước tiêu thụ của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: đã sử dụng nguồn nước máy được xử lý đạt tiêu chuẩn yêu cầu của Nhà nước về quản lý cũng như xử lý nước thải và rác thải: hệ thống thoát nước mưa và hệ thống nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước sử dụng:

6.4. Tuân thủ pháp luật về Bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có.**
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có.**

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình của người lao động trong Công ty năm 2018

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Số lượng người lao động	Người	78
2	Mức lương trung bình	Đồng/người/tháng	10.926.506

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Bảo đảm thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động như: trang bị BHLĐ, đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách và bảo đảm quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.
- Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Trong năm 2018, Công ty đã phối hợp với các đơn vị đào tạo chuyên nghiệp tổ chức các khóa đào tạo nâng cao chất lượng người lao động, và tự tổ chức các khóa đào tạo nội bộ cho các cán bộ về các chuyên đề, nghiệp vụ quan trọng và cần thiết, quy chế quy định về tổ chức hoạt động của Công ty.
- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm của Công ty: 50h/nhân viên/năm.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tinh thần vì cộng đồng, trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội luôn được Công ty đề cao. Hằng năm, CBCNV Công ty đều rất tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện. Năm 2018 là năm mà hàng loạt các chương trình hỗ trợ, tình nguyện của Công ty được thực hiện, CBCNV Công ty sẵn sàng vượt chặng đường hàng trăm cây số để chia sẻ lòng yêu thương đến tận vùng rừng núi xa xôi. Từ những chuyến đi chia sẻ tấm lòng từ thiện đến bà con dân tộc thiểu số các tỉnh Hòa Bình, Sơn La hay địa đầu tổ quốc Lũng Cú - Hà Giang, đến những gói quà nhỏ ủng hộ đồng bào miền trung trong các đợt thiên tai, lũ lụt; CBCNV SHE luôn tràn đầy nhiệt huyết và tấm lòng từ thiện để giúp đồng bào vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với năm trước và so với kế hoạch

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	% tăng giảm	KH 2018	%Kế hoạch
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	181.544.194.133	220.662.415.611	22%	255.000.000.000	(13%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.277.908.178	16.110.849.688	74%	15.000.000.000	7%

- Trong năm 2018, Doanh thu thuần đạt 220,6 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng 22%, lợi nhuận sau thuế hơn 16,1 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng 74% so với năm 2017. Sở dĩ mức tăng trưởng lợi nhuận năm 2018 cao, bên cạnh yếu tố biến động tăng về sản lượng và giá bán sản phẩm trong năm, còn một số nguyên nhân sau:
- Năm 2018 công ty mở rộng sản xuất kinh doanh một số ngành hàng mới như lọc nước, bể ngầm. Ngành hàng truyền thống Thái Dương Năng công ty tăng cường nghiên cứu cải tiến sản phẩm, nâng cáo chất lượng sản phẩm dẫn đến sản lượng năm 2018 tăng so với 2017.
- Năm 2018 là một năm giá vật tư chính đầu vào tăng nhẹ, thị trường inox cuộn, chất bảo ôn tăng giá khiến cho giá bán bình quân tăng, nhờ có lượng nguyên vật liệu dự trữ tương đối nên mặc dù giá inox cuộn và chất bảo ôn tăng nhưng tỷ trọng giá vốn hàng bán/DTT vẫn giảm đáng kể.
- Ngoài ra trong năm 2018, Công ty thực hiện tái cơ cấu, công ty đã có những cải tiến đáng kể trong việc nâng cao năng suất lao động như: sắp xếp lại dây chuyền sản xuất cho khoa học, hợp lý, kịp thời sửa chữa cải tiến máy móc thiết bị đang có, quan tâm tạo điều kiện cho công nhân sản xuất phát huy năng lực bản thân...nhờ những việc cải tiến trong dây chuyền dẫn tới năng suất sản xuất tăng, góp phần giảm chi phí sản xuất trong giá thành sản phẩm.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017, 2018

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu chính	2017	2018	%tăng giảm
Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh			
Chi phí giá vốn hàng bán	158.446.781.398	193.676.905.103	22%
Chi phí bán hàng	5.420.417.361	5.330.096.076	(2%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.074.289.916	4.716.325.844	16%
Chi phí tài chính	113.007.521	457.794.706	305%
Chi phí lãi vay	95.831.937	366.822.749	283%
Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh			
Doanh thu thuần	181.544.194.113	220.662.415.661	22%
Lợi nhuận gộp	23.097.412.715	26.985.510.558	17%
Doanh thu hoạt động tài chính	539.066.069	788.971.115	46%
Lợi nhuận trước thuế	11.881.921.998	20.188.349.789	70%
Lợi nhuận sau thuế	9.277.908.178	16.110.849.688	74%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/DTT	13%	12%	
Tỷ suất LNTT/DTT	7%	9%	
Tỷ suất LNST/DTT	5%	7%	
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	11%	18%	
Tỷ suất LNST/VCSH	31%	24%	

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 tăng 22% so với năm 2017, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 17% so với cùng kỳ;
- Lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2018 cũng tăng lần lượt là 70% và 74% so với năm 2017, lý do:
 - + Do sản lượng bán hàng tăng dẫn đến doanh thu thuần tăng 22%
 - + Do phát sinh khoản thu nhập khác từ việc bồi thường trách nhiệm của cá nhân.
 - + Do tiết kiệm chi phí sản xuất dẫn đến giá vốn thấp hơn kế hoạch

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	80.171.597.470	85.071.911.195	6%
Tiền mặt	1.687.069.644	1.386.087.431	(18%)
Các khoản phải thu	58.846.059.920	58.306.216.952	(1%)
Hàng tồn kho	19.570.539.090	25.298.550.687	29%
Tài sản dài hạn	2.575.241.070	5.453.983.716	112%
Tổng tài sản	82.746.838.540	90.525.894.911	9%

- Tài sản ngắn hạn năm 2017 đạt mức 85.07 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2017;
- Hàng tồn kho đạt mức 25,30 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2017;
- Tổng tài sản đạt mức 90,52 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2017.

2.2 Tình hình công nợ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Nợ phải trả	52.424.098.814	24.092.305.497	(54%)
Nợ ngắn hạn	52.424.098.814	24.092.305.497	(54%)
Phải trả người bán	36.597.009.505	19.200.410.138	(48%)
Người mua trả tiền trước	569.846	583.529.500	102301%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.610.146.927	2.197.505.833	36%
Phải trả người lao động	1.522.429.681	1.577.851.699	4%
Chi phí phải trả ngắn hạn	20.378.123	147.000.000	621%
Phải trả ngắn hạn khác	317.633.820	386.008.327	22%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	77.834.571	-	-
Vay ngắn hạn	12.278.096.341	-	-
Nợ dài hạn	-	-	-

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công ty chủ trương tiếp tục duy trì bộ máy nhân sự gọn nhẹ và áp dụng cơ chế linh hoạt, tuyển dụng khi cần thiết, chủ yếu ưu tiên phục vụ phát triển kinh doanh. Số nhân sự hưởng lương cố định toàn Công ty khoảng 78 người.

4. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới

Về tuân thủ pháp luật

- Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Về công tác quản lý, công tác tổ chức:

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình CTCP nghiêm yết. nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

Về hoạt động tài chính:

- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai. phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động Công ty

- Tổ chức thường xuyên các phiên họp định kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, phương hướng hoạt động và các kế hoạch quan trọng chủ chốt khác của Công ty, nhằm chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức các phiên họp bất thường khác để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh;
- Tiếp tục nâng cao bộ máy quản lý của Công ty và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của toàn hệ thống.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Giám đốc Công ty

- Ban Giám đốc đã triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty với thành tích đạt được khả quan;
- Ban Giám đốc đã có các chỉ đạo linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn thị trường, thận trọng hơn trong các quyết định mua bán và luôn giữ lượng hàng tồn kho ở mức hợp lý;
- Trong năm, Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất.

- Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý, tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty đều đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý của CTCP Phát triển Năng lượng Sơn Hà đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện, vì vậy, kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2018 của công ty là khá tốt và vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.
- Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, thường trực HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp bất thường để xử lý các công việc thuộc thẩm quyền, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Các định hướng kế hoạch của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở nhận định tình hình như trên, định hướng một số mảng hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2019 như sau:

- Công ty sẽ củng cố lại hoạt động kinh doanh thông qua việc quan tâm đầu tư cả về công nghệ, nhân sự. Về cơ chế, chính sách kinh doanh, tiếp tục duy trì chiến lược ổn định và mở rộng thận trọng hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro.
- Tập trung phát triển mạnh mẽ mảng sản phẩm mới. Nâng cao chất lượng, uy tín và sự chuyên nghiệp trong ngành để nhận được sự tin tưởng của Khách hàng; Cố gắng tận dụng khai thác cơ hội để tìm kiếm những hợp đồng lớn để mang lại doanh thu tốt và bền vững cho Công ty.
- Nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro các mặt hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nhân sự, chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ, tiếp tục đào tạo, nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ, cán bộ, nhân viên.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Danh sách hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Chức vụ quản lý điều hành tại SHE
1	Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	0	Chủ tịch HĐQT
2	Hoàng Mạnh Tân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	450.000	Giám Đốc
3	Đàm Quang Hùng	Thành viên HĐQT	250.000	-
4	Bùi Minh Trang	Thành viên HĐQT	0	-
5	Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	0	-

1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, HĐQT thường xuyên theo dõi diễn biến của nền kinh tế và biến động của thị trường, để từ đó có sự chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ điều lệ của SHE, HĐQT thực hiện giám sát Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Chủ tịch HĐQT đã thường xuyên làm việc tại Công ty, hàng tuần, hàng tháng họp giao ban với Ban Giám đốc và dự họp giao ban của Ban Giám đốc với các cấp quản lý nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình và chỉ đạo các hoạt động của Công ty.
- Định kỳ, HĐQT yêu cầu Ban Giám đốc báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, những thuận lợi và khó khăn phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, HĐQT tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành trong kỳ và yêu cầu triển khai công việc mới theo Nghị quyết ĐHCĐ đề ra.
- Trong năm, Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất.
- Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý, tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty đều đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý của CTCP Phát triển Năng lượng Sơn Hà đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện, vì vậy, kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2018 của công ty là khá tốt và vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.
- Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, thường trực HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp bất thường để xử lý các công việc thuộc thẩm quyền, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Các quyết định của HĐQT được liệt kê chi tiết tại Báo cáo Quản trị Công ty 2018. Tóm tắt một số quyết định quan trọng như sau:

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ-HĐQT	15/02/2018	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

2	03/2018/NQ-HĐQT	04/04/2018	Triển khai việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2017, phát hành CP tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành CP cho cổ đông hiện hữu
3	04/2018/NQ-HĐQT	14/04/2018	Thông qua danh sách cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phần và thời hạn đăng ký mua cổ phần.
4	05/2018/NQ-HĐQT	10/05/2018	Thưởng cán bộ Công nhân viên Công ty cổ phần phát triển Năng lượng Sơn Hà
5	67/2018/NQ-HĐQT	03/07/2018	Thông qua việc sử dụng vốn
6	117/2018/NQ-HĐQT	20/12/2018	Họp Ban Giám đốc báo cáo sơ kết tình hình kết quả kinh doanh 2018

1.4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ hiện nay của Công ty gồm:

- Lê Vĩnh Sơn
- Ông Đàm Quang Hùng
- Bà Bùi Minh Trang
- Bà Nông Thị Thanh Vân

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

STT	Tên	Chức vụ
-----	-----	---------

2. Ban kiểm soát

2.1. Danh sách ban kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT

STT	Tên	Chức vụ
1	Lê Khánh Linh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Lê Thị Thắm	Thành viên Ban kiểm soát
3	Đào Thị Thảo	Thành viên Ban kiểm soát

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế Toán và các văn bản pháp quy có liên quan; kiểm tra giám sát việc chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 của Công ty, cụ thể là:

Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc về quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Kiểm soát nội dung, trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quy định về công tác quản trị doanh nghiệp;

Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và thực hiện các Quy trình nghiệp vụ trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro hoặc những thiếu sót, và kiến nghị các giải pháp khắc phục;

Kiểm tra giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông;

Kiểm tra, giám sát các Báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; Giám sát ban lãnh đạo công ty thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra;

Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

3. Thù lao, lương, thưởng các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty

3.1. Thù lao, lương của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty

Đại hội cổ đông năm 2018 đã nhất trí thông qua mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành là **156.000.000** đồng

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty, và thực hiện báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty hàng quý, bán niên, và hàng năm đến các nhà đầu tư.

VI . BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2018



**Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng
Sơn Hà**

Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0101809894

ngày 27 tháng 10 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101809894 ngày 5 tháng 6 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Vĩnh Sơn Ông Hoàng Mạnh Tân Ông Đàm Quang Hùng Bà Bùi Minh Trang Bà Nông Thị Thanh Vân Ông Lê Văn Tấn	Chủ tịch Thành viên Thành viên (<i>từ ngày 31/5/2018</i>) Thành viên (<i>từ ngày 31/5/2018</i>) Thành viên (<i>từ ngày 31/5/2018</i>) Thành viên (<i>đến ngày 31/5/2018</i>)
Ban Giám đốc	Ông Hoàng Mạnh Tân Ông Trần Anh Tuấn	Giám đốc Phó Giám đốc (<i>từ 10/8/2018</i>)
Ban Kiểm soát	Bà Lê Khánh Linh Bà Lê Thị Thắm Bà Đào Thị Thảo	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 27 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00181-19-1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2019

Lại Thủy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2040-2018-007-1

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		85.071.911.195	80.171.597.470
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.386.087.431	1.687.069.644
Tiền	111		1.386.087.431	1.687.069.644
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.306.216.952	58.846.059.920
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	57.119.947.990	55.212.012.395
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	629.581.337	2.770.038.173
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.739.386.580	1.936.009.352
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.182.698.955)	(1.072.000.000)
Hàng tồn kho	140	9	25.298.550.687	19.570.539.090
Hàng tồn kho	141		25.493.099.162	20.013.339.090
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(194.548.475)	(442.800.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		81.056.125	67.928.816
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		81.056.125	67.928.816
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		5.453.983.716	2.575.241.070
Tài sản cố định	220		4.766.499.106	2.069.020.074
Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.686.375.856	1.958.765.390
Nguyên giá	222		8.916.187.026	5.763.378.803
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.229.811.170)	(3.804.613.413)
Tài sản cố định vô hình	227	11	80.123.250	110.254.684
Nguyên giá	228		159.181.000	159.181.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(79.057.750)	(48.926.316)
Tài sản dài hạn khác	260		687.484.610	506.220.996
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	687.484.610	506.220.996
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		90.525.894.911	82.746.838.540

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		24.092.305.497	52.424.098.814
Nợ ngắn hạn	310		24.092.305.497	52.424.098.814
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	19.200.410.138	36.597.009.505
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	583.529.500	569.846
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.197.505.833	1.610.146.927
Phải trả người lao động	314		1.577.851.699	1.522.429.681
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		147.000.000	20.378.123
Phải trả ngắn hạn khác	319		386.008.327	317.633.820
Vay ngắn hạn	320	16(a)	-	12.278.096.341
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	77.834.571
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		66.433.589.414	30.322.739.726
Vốn chủ sở hữu	410	17	66.433.589.414	30.322.739.726
Vốn cổ phần	411	18	50.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	20.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		123.932.857	923.932.857
Lợi nhuận sau thuế lũy kế	421		16.309.656.557	9.398.806.869
- LNST lũy kế đến cuối năm trước	421a		198.806.869	120.898.691
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		16.110.849.688	9.277.908.178
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		90.525.894.911	82.746.838.540

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Bá Thị Hợp
Kế toán trưởng

Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	221.644.078.616	181.982.178.332
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	981.662.955	437.984.219
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	220.662.415.661	181.544.194.113
Giá vốn hàng bán	11	22	193.676.905.103	158.446.781.398
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		26.985.510.558	23.097.412.715
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	788.972.115	539.066.069
Chi phí tài chính	22		457.794.706	113.007.521
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		366.822.749	95.831.937
Chi phí bán hàng	25	24	5.330.096.076	5.420.417.361
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	4.716.325.844	4.074.289.916
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		17.270.266.047	14.028.763.986
Thu nhập khác	31	26	2.919.045.601	300.871.885
Chi phí khác	32		961.859	2.447.713.873
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.918.083.742	(2.146.841.988)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.188.349.789	11.881.921.998
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	4.077.500.101	2.604.013.820
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		16.110.849.688	9.277.908.178

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang từ trang trước)	60		16.110.849.688	9.277.908.178
Lãi trên cổ phiếu				Điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	3.576	3.031

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Bá Thị Hợp
Kế toán trưởng



Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		20.188.349.789	11.881.921.998
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		913.714.580	431.203.754
Các khoản dự phòng	03		(137.552.570)	192.800.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(289.212.216)	(522.400.001)
Chi phí lãi vay	06		366.822.749	95.831.937
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		21.042.122.332	12.079.357.688
Biến động các khoản phải thu	09		(12.088.733.902)	(39.655.579.941)
Biến động hàng tồn kho	10		(5.479.760.072)	(2.309.750.635)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(4.425.965.584)	24.510.054.825
Biến động chi phí trả trước	12		(146.724.230)	(304.025.590)
			(1.099.061.456)	(5.679.943.653)
Tiền lãi vay đã trả	14		(387.200.872)	(75.453.814)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.589.949.355)	(2.147.600.814)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(105.063.200)	(94.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.181.274.883)	(7.996.998.281)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.571.823.205)	(2.144.608.132)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		267.272.727	-
Tiền thu lãi tiền gửi và lãi cho vay	27		462.939.489	522.400.001
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.841.610.989)	(1.622.208.131)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		20.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		6.346.241.226	12.416.096.341
Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.624.337.567)	(138.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		-	(4.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.721.903.659	8.278.096.341
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(300.982.213)	(1.341.110.071)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.687.069.644	3.028.179.715
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	1.386.087.431	1.687.069.644

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Bá Thị Hợp
Kế toán trưởng



Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 93 nhân viên (1/1/2018: 78 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 8 năm |
| ▪ phương tiện vận tải | 2 – 7 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng và một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	199.925.608	258.585.611
Tiền gửi ngân hàng	1.186.161.823	1.428.484.033
	1.386.087.431	1.687.069.644

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	34.303.208.292	31.398.948.561
Công ty Cổ phần Toàn Thắng	5.679.091.628	5.211.405.993
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	6.860.131.257	5.716.008.593
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	3.430.156.683	4.953.119.902
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	-	29.252.018
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	-	2.902.717.856
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà	-	2.295.400
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	3.194.400	1.972.793
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	32.670	1.182.478
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ	2.916.962.951	1.850.293.831
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	1.594.694.319	1.490.210.920
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	227.212.128	579.029.990
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	364.310.650	-
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Bắc	111.043.680	-
Các khách hàng khác		
Nguyễn Hồng Quân	439.630.916	155.167.997
Đào Văn Toàn	384.074.229	64.000.000
Các khách hàng khác	806.204.187	856.406.063
	57.119.947.990	55.212.012.395

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan (trừ khoản phải thu Công ty Cổ phần Toàn Thắng, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà và Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai) không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải thu thương mại từ Công ty Cổ phần Toàn Thắng, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà và Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai không có đảm bảo, có thời hạn thu hồi là 15 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn, và chịu lãi 10,5%/năm kể từ ngày quá hạn thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán là 51.983 triệu VND, trong đó Công ty đã thu hồi được 36.469 triệu VND tính đến ngày phát hành báo cáo này. Toàn bộ các khoản phải thu quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đã được thu hồi đến ngày phát hành báo cáo là phải thu từ các công ty liên quan bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc, Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn, Công ty Cổ phần Toàn Thắng, Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ.

Ban Giám đốc Công ty xác định các khoản phải thu đã quá hạn nhưng chưa được thu hồi với số tiền còn lại là 15.514 triệu VND vẫn có thể được thu hồi trong tương lai nên không được coi là nợ xấu và không trích lập dự phòng.

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Dongguan Zhengyang Import and Export Trading Co., Ltd	241.471.138	-
Công ty TNHH Công nghệ Chế tạo và Hóa chất Công nghiệp TNT	184.910.000	-
Haining Fu Jiang Import & Export Co., Ltd.	-	2.542.994.757
Các khách hàng khác	203.200.199	227.043.416
	<hr/>	<hr/>
	629.581.337	2.770.038.173

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các bên liên quan		
Ông Lê Vĩnh Sơn	-	23.546.250
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà – công ty mẹ	-	442.217.125
Các bên khác		
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000	536.000.000
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000	536.000.000
Tạm ứng	536.963.000	195.570.000
Ký cược, ký quỹ	10.282.500	10.282.500
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	120.141.080	192.393.477
	<hr/>	<hr/>
	1.739.386.580	1.936.009.352
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2018				1/1/2018			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Ông Hoàng Trọng Thủy	trên 24 tháng	211.397.909	(110.698.955)	100.698.954	trên 12 tháng	231.397.909	-	231.397.909
Ông Kiều Thanh Phong	trên 3 năm	536.000.000	(536.000.000)	-	trên 3 năm	536.000.000	(536.000.000)	-
Ông Nguyễn Văn Thảo	trên 3 năm	536.000.000	(536.000.000)	-	trên 3 năm	536.000.000	(536.000.000)	-
		1.283.397.909	(1.182.698.955)	100.698.954		1.303.397.909	(1.072.000.000)	231.397.909

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đi đường	2.396.447.679	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	15.364.193.930	(185.972.883)	13.530.730.055	(315.978.806)
Công cụ, dụng cụ	213.213.936	-	123.176.772	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	344.674.853	-	30.859.540	-
Thành phẩm	5.759.044.710	(8.575.592)	4.050.060.659	(126.821.194)
Hàng hóa	1.415.524.054	-	2.278.512.064	-
	25.493.099.162	(194.548.475)	20.013.339.090	(442.800.000)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 333 triệu VND thành phẩm và nguyên vật liệu (1/1/2018: 594 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.315.194.928	448.183.875	5.763.378.803
Tăng trong năm	2.696.736.669	962.123.636	3.658.860.305
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	(57.868.207)	-	(57.868.207)
Thanh lý	-	(448.183.875)	(448.183.875)
Số dư cuối năm	7.954.063.390	962.123.636	8.916.187.026
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.356.429.538	448.183.875	3.804.613.413
Khấu hao trong năm	883.583.146	-	883.583.146
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	(10.201.514)	-	(10.201.514)
Thanh lý	-	(448.183.875)	(448.183.875)
Số dư cuối năm	4.229.811.170	-	4.229.811.170
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.958.765.390	-	1.958.765.390
Số dư cuối năm	3.724.252.220	962.123.636	4.686.375.856

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 3.541 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 3.011 triệu VND).

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	159.181.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	48.926.316
Khấu hao trong năm	30.131.434
Số dư cuối năm	79.057.750
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	110.254.684
Số dư cuối năm	80.123.250

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND
Số dư đầu năm	506.220.996
Tăng trong năm	511.229.832
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	47.666.693
Phân bổ trong năm	(377.632.911)
Số dư cuối năm	687.484.610

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp có số dư lớn và các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các công ty liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	4.358.123.160	12.841.628.929
<i>Các công ty liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà	690.387.387	541.132.034
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	123.468.829	46.310.000
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	678.502.705	519.062.226
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	6.114.099.349	14.246.409.724
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	262.440.661	54.912.000
Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	51.925.225	-
Các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Cơ khí Thương mại Đại Nam	1.721.926.900	1.077.208.100
Haining Fu Jiang Import & Export Co., Ltd.	1.361.597.759	-
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Đồng Tâm	-	1.186.598.268
Công ty TNHH VIDACO	676.166.404	1.588.087.012
Các nhà cung cấp khác	3.161.771.759	4.495.661.212
	19.200.410.138	36.597.009.505

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp và Môi trường Á Châu	405.760.000	-
Shophouse 6/-70-Khách Sạn An Sơn Tuần Châu	150.900.000	-
Các khách hàng khác	26.869.500	569.846
	583.529.500	569.846

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế GTGT đầu ra	350.821.226	26.158.846.304	(26.232.469.776)	277.197.754
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.218.378.043	4.077.500.101	(3.589.949.355)	1.705.928.789
Thuế thu nhập cá nhân	40.947.658	204.450.318	(156.778.686)	88.619.290
Thuế nhập khẩu	-	104.808.696	(104.808.696)	-
Phí, lệ phí	-	125.760.000	-	125.760.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	1.610.146.927	30.674.365.419	(30.087.006.513)	2.197.505.833

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	11.607.643.426	6.346.241.226	(17.953.884.652)	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16(b))	670.452.915	-	(670.452.915)	-
	12.278.096.341	6.346.241.226	(18.624.337.567)	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	VND	6,3%	-	11.607.643.426

Khoản vay ngắn hạn là các khoản giải ngân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/4916331/HĐTD ngày 1 tháng 8 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Hạn mức tín dụng thường xuyên được cấp với số tiền tối đa là 20.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là từ ngày 1 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018. Thời hạn hoàn trả của các khoản giải ngân theo hợp đồng này là 6 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	VND	6,3%	2018	-	670.452.915
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16(a))				-	(670.452.915)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				-	-

Khoản vay dài hạn thể hiện khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2017/4916331/HĐTD ngày 21 tháng 9 năm 2017 để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngân hàng cho Công ty vay với tổng số tiền tối đa là 5.938.000.000 VND nhưng không vượt quá 75% tổng mức đầu tư thực tế của dự án. Khoản vay có thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/4916331/HĐBĐ ngày 26 tháng 9 năm 2017.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2017	20.000.000.000	-	5.229.618.119	25.229.618.119
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.277.908.178	9.277.908.178
Phân bổ vào các quỹ	-	923.932.857	(1.108.719.428)	(184.786.571)
Chia cổ tức	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2018	20.000.000.000	923.932.857	9.398.806.869	30.322.739.726
Phát hành cổ phiếu	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Phát hành cổ phiếu từ Quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 19)	800.000.000	(800.000.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (Thuyết minh 19)	9.200.000.000	-	(9.200.000.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	16.110.849.688	16.110.849.688
Số dư tại ngày 31/12/2018	50.000.000.000	123.932.857	16.309.656.557	66.433.589.414

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2018		2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	2.000.000	20.000.000.000	-	-
Phát hành cổ phiếu từ Quỹ đầu tư phát triển trong năm (Thuyết minh 19)	80.000	800.000.000	-	-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức trong năm (Thuyết minh 19)	920.000	9.200.000.000	-	-
Số dư cuối năm	5.000.000	50.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000

19. Cổ tức

Ngày 3 tháng 4 năm 2018, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết số 01/2018/NQ - ĐHĐCĐ về phương án chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 46% vốn điều lệ xác định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu phổ thông được nhận 46 cổ phiếu phát hành thêm) và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ 25:1.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	113	2.557.801	116	2.633.041
CNY	-	-	5.370	18.016.350
WON	-	-	569.000	11.550.700
		2.557.801		32.200.091

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018	2017
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	41.351.976.508	35.013.379.530
▪ Bán thành phẩm	180.144.917.554	146.812.994.606
▪ Cung cấp dịch vụ	147.184.554	155.804.196
	221.644.078.616	181.982.178.332
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(981.662.955)	(437.984.219)
Doanh thu thuần	220.662.415.661	181.544.194.113

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	37.372.094.558	33.261.243.050
Giá vốn của thành phẩm đã bán	156.257.231.600	125.162.098.371
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	47.578.945	23.439.977
	<hr/>	<hr/>
	193.676.905.103	158.446.781.398

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	21.939.489	96.775.210
Lãi cho vay	-	441.000.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	765.450.000	-
Lãi chênh lệch tỷ đã thực hiện	1.582.626	1.290.859
	<hr/>	<hr/>
	788.972.115	539.066.069

24. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	1.205.199.827	1.366.919.558
Chi phí khấu hao	18.752.250	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.011.441.304	2.737.505.946
Chi phí khác	1.094.702.695	1.315.991.857
	<hr/>	<hr/>
	5.330.096.076	5.420.417.361

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.527.687.593	2.502.998.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.878.037	136.850.941
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.396.317	31.329.954
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	743.792.540	726.176.897
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	110.698.955	-
Chi phí khác	1.277.872.402	673.934.008
	<hr/> 4.716.325.844	<hr/> 4.074.289.916

26. Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Truy thu Ông Lê Văn Tấn – cựu thành viên Hội đồng Quản trị (*)	2.139.096.540	-
Điều chỉnh chênh lệch kiểm kê	95.718.063	-
Thu nhập từ lãi phạt trả chậm do vi phạm hợp đồng	337.683.378	249.896.912
Lãi thanh lý tài sản cố định	267.272.727	-
Thu nhập khác	79.274.893	50.974.973
	<hr/> 2.919.045.601	<hr/> 300.871.885

(*) Khoản truy thu này thể hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho phần bị cơ quan thuế truy thu và phạt thuế giá trị gia tăng trong năm.

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và kinh doanh	146.078.447.480	118.931.893.928
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	37.372.094.558	33.261.243.050
Chi phí nhân công	10.515.510.674	8.873.302.530
Chi phí khấu hao	913.714.580	431.203.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.244.868.166	7.252.003.039
Chi phí khác	2.535.521.464	943.657.744

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	4.077.500.101	2.865.945.174
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(261.931.354)
	4.077.500.101	2.604.013.820
	4.077.500.101	2.604.013.820

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.188.349.789	11.881.921.998
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.037.669.958	2.376.384.400
Chi phí không được khấu trừ thuế	39.830.143	489.560.774
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(261.931.354)
	4.077.500.101	2.604.013.820
	4.077.500.101	2.604.013.820

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định về thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập với mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	16.110.849.688	9.277.908.178
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(184.786.571)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	16.110.849.688	9.093.121.607

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy về số lợi nhuận thuần được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm 2018. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2018	2017 Điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	2.000.000	2.000.000
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	920.000	920.000
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm	80.000	80.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm (*)	1.505.381	-
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	4.505.381	3.000.000

(*) Trong năm, Công ty phát hành 2.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, thấp hơn giá trị thị trường, do đó, đây được coi là có yếu tố thưởng trong việc phát hành cổ phiếu. Công ty ước tính giá trị thị trường của cổ phiếu của Công ty ngay trước thời điểm phát hành này căn cứ theo giá đóng cửa bình quân của cổ phiếu của Công ty sau khi niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và biến động của chỉ số HNX.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà		
Mua nguyên vật liệu	37.257.430.670	53.968.867.879
Mua công cụ, dụng cụ	81.222.163	66.734.900
Mua thành phẩm, hàng hóa	-	11.791.349.479
Mua tài sản cố định	1.625.465.270	29.669.846
Mua dịch vụ	3.477.340.598	2.107.954.680
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.045.856	35.521.269.131
Tiền thu hồi cho vay	-	7.000.000.000
Lãi cho vay phát sinh	-	441.000.000
Lãi cho vay được nhận	441.000.000	-
Góp vốn	10.318.000.000	-
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	4.746.280.000	-
Nhận cổ tức bằng tiền	-	2.063.600.000
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	518.840.442	39.342.955.622
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam		
Mua nguyên vật liệu	5.064.990.127	13.485.707.229
Mua công cụ, dụng cụ	641.500	-
Mua dịch vụ	1.549.885.771	471.025.441
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.247.430	283.648.380
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	39.921.981	310.830.740
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà		
Mua hàng hóa, thành phẩm	8.307.000	-
Mua dịch vụ	2.802.922.746	1.857.244.700
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.599.350	3.263.467
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	43.654.685	1.294.414
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà		
Mua nguyên vật liệu	21.713.636	-
Mua dịch vụ	1.005.239	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.530.326.424	88.781.107
Lãi trả chậm theo hợp đồng	13.150.488	-
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.009.478.801	15.284.544.897
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.746.235.900	37.632.989.829

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		
Mua hàng hóa, thành phẩm	41.037.060	-
Mua nguyên vật liệu	66.450.308.791	26.271.120.019
Mua dịch vụ	38.463.853	123.654.562
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.119.755.840	11.473.954.380
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	10.734.449.290	9.787.842.315
Công ty TNHH Một thành viên Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.864.117.411	4.299.451.770
Lãi trả chậm theo hợp đồng	2.799.531	-
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc		
Mua nguyên vật liệu	32.029.953	39.379.749
Mua hàng hóa, thành phẩm	99.437.134	19.072.374
Mua dịch vụ	599.026.408	185.300.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.842.403.405	56.453.332.146
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	726.384.016	221.817.337
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ		
Mua dịch vụ	3.485.000	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.495.285.136	3.051.231.611
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung		
Mua nguyên vật liệu	142.523.865	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.590.538.557	526.390.900
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Bắc		
Mua tài sản cố định	10.152.100	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.310.573.240	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà		
Mua hàng hóa, thành phẩm	38.288.352	-
Mua nguyên vật liệu	1.212.351.083	49.920.000
Mua công cụ, dụng cụ	293.076.459	-
Mua tài sản cố định	63.816.959	-
Mua dịch vụ	1.000.000	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.074.932	1.793.448
Chiết khấu thanh toán	765.450.000	-
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	9.004.360.818	-
Công ty Cổ Phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	331.191.500	-

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Toàn Thắng		
Mua nguyên vật liệu	46.200.000	-
Mua dịch vụ	1.004.750	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.237.234.896	11.986.138.400
Lãi trả chậm theo hợp đồng	321.733.359	249.896.912
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	-	22.902.000
Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	757.246.230	749.597.067
Góp vốn	4.000.000.000	-
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	1.840.000.000	-
Nhận cổ tức bằng tiền	-	800.000.000
Thành viên khác trong Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	286.926.118	476.949.908
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Góp vốn	5.682.000.000	-
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	2.613.720.000	-

31. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, trong cuộc họp ngày 21 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 10% tương đương với 1.000 VND/1 cổ phiếu. Số tiền phải trả chưa được trích trước trong báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Bá Thị Hợp
Kế toán trưởng



Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc